

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/DS-ST
Ngày 25 tháng 3 năm 2025
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Hoài Lâm

Các Hội thẩm nhân dân: ông Liêu Khăng và bà Dương Triết Minh.

- Thư ký phiên tòa: ông Lâm Quang Trực – Là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn: không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 892/2024/TLST-DS ngày 18/12/2024 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2025/QĐXXST-DS ngày 21/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-DS ngày 06/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Thái S, sinh năm 1974

Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông Lý Hoàng T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: ông Đặng An T, sinh năm 1981

Bà Ngô Thị T, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông T có mặt. Bị đơn ông T, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lý Hoàng T trình bày:

Giữa vợ chồng ông Nguyễn Thái S, bà Nguyễn Thị Thu T với vợ chồng ông Đặng An T, bà Ngô Thị T có hợp đồng mua bán với nhau, cụ thể: hai bên có ký kết hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa Nhật DS1, bên A là ông Sơn, bà Thủy mua lại lúa của bên B là ông T, bà T. Đến ngày 10/3/2017 hai bên chốt sổ ông T, bà T còn nợ lại ông Sơn, bà Thủy số tiền 456.923.000 đồng. Từ ngày 10/3/2017 hai bên tiếp tục mua bán và ông T, bà T có trả dần tiền và tính đến ngày 9/3/2020 còn nợ lại 100.000.000 đồng. Nguyên đơn đã yêu cầu bị đơn trả nhiều lần nhưng chỉ được hứa hẹn, đến nay vẫn chưa nhận được.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu ông T, bà T phải trả số tiền là 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút lại phần yêu cầu trả lãi suất, chỉ yêu cầu ông T, bà T trả 100.000.000 đồng.

- Về phía bị đơn ông Đặng An T, bà Ngô Thị T: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông T, bà T nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay ông T, bà T vắng mặt và không có văn bản nào thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của ông Nguyễn Thái S, bà Nguyễn Thị Thu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông Nguyễn Thái S, bà Nguyễn Thị Thu T có đơn khởi kiện yêu cầu ông Đặng An T, bà Ngô Thị T phải trả số tiền mua lúa còn thiếu với số tiền là 100.000.000 đồng. Bị đơn ông Đặng An T, bà Ngô Thị T có đăng ký nơi thường trú tại ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Xét, đây là quan hệ tranh chấp dân sự “*Hợp đồng mua bán*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2.] Bị đơn ông Đặng An T, bà Ngô Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà T.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Hợp đồng (liên kết và tiêu thụ lúa nhật DS1 vụ Đông Xuân 2017 - 2018) ngày 18/12/2017 được ký kết giữa bên A ông Nguyễn Thái S, bà Nguyễn Thị Thu T với bên B ông Đặng An T với nội dung: Bên A mua lại sản phẩm của bên B là Lúa Nhật (DS1), giá 5.800 đồng/kg, số công tầm cắt 100 công. Hợp đồng được hai bên ký tên và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Bình Giang, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy, Hợp đồng trên được ký kết hoàn

toàn tự nguyện, nội dung và hình thức không trái với quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Theo nguyên đơn, quá trình mua bán ông Sơn, bà Thủy đã tạm ứng tiền trước cho ông T, bà T. Ngày 10/3/2017 hai bên kết sổ ông T, bà T còn thiếu ông Sơn, bà Thủy số tiền 456.923.000 đồng. Từ ngày 10/3/2017 đến ngày 09/3/2020 ông T, bà T có trả dần và đến nay còn thiếu lại số tiền 100.000.000 đồng vẫn chưa thanh toán mặc dù có đòi nhiều lần.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã nhiều lần mời bị đơn đến để hòa giải, đối chiếu các khoản nợ với nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Như vậy phía bị đơn không cung cấp chứng cứ nào để phủ nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đồng thời đến thời điểm này cũng không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào thể hiện đã thực hiện xong số nợ trên cho nguyên đơn nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên được chấp nhận.

[3] Về lãi suất: trong đơn khởi kiện phía nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn xin rút phần yêu cầu tính lãi suất. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần rút yêu cầu này.

[4] Từ những phân tích trên, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 430 và khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thái S, bà Nguyễn Thị Thu T.

Buộc ông Đặng An T, bà Ngô Thị T phải trả cho ông Nguyễn Thái S, bà Nguyễn Thị Thu T số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả

cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phần yêu cầu tính lãi suất.

3. Về án phí:

- Ông Đặng An T, bà Ngô Thị T phải chịu 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Thái S, bà Nguyễn Thị Thu T không phải chịu án phí nên được nhận lại 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021548 ngày 18/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo:

- Ông Nguyễn Thái S, bà Nguyễn Thị Thu T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông Đặng An T, bà Ngô Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKS huyện Thoại Sơn;
- Chi Cục THADS huyện Thoại Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoài Lâm

